

KÍ ỨC DU MỤC TRONG *KHOÍ TRỜI LỘNG LÃY* CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ

NOMADIC MEMORY IN THE SHORT STORY COLLECTION *KHOI TROI LONG LAY* BY NGUYEN NGOC TU

Nguyễn Phạm Mẫn Nguyên*, Nguyễn Hồng Đức

Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: nguyennphammannguyen@gmail.com

(Nhận bài / Received: 14/12/2025; Sửa bài / Revised: 10/5/2026; Chấp nhận đăng / Accepted: 14/5/2026)

DOI: 10.31130/ud-jst.2026.24(6B).716

Tóm tắt - Tập truyện ngắn *Khói trời lộng lẫy* của Nguyễn Ngọc Tư hiện lên như một không gian kí ức đa tầng, nơi các nhân vật phải đối diện với sự lưu lạc, mất mát và những trải nghiệm đau thương về quê hương. Theo Rosi Braidotti, bản sắc không phải là thực thể cố định, mà là một quá trình liên tục dịch chuyển, hình thành thông qua kinh nghiệm, kí ức và các mối liên kết phức hợp với môi trường và cộng đồng [1, tr. 87]. Vì vậy, bài viết phân tích cách các nhân vật trong *Khói trời lộng lẫy* vừa lưu giữ kí ức về quê hương, vừa thích nghi với xứ người, đồng thời tái cấu trúc bản thân và phát triển những hình thái bản sắc đa tầng, mở ra các khả năng thuộc về và kết nối mới. Từ góc nhìn lí thuyết du mục, bài viết không chỉ phản ánh những mất mát cá nhân mà còn khẳng định khả năng chuyển hóa trải nghiệm tiêu cực thành sức mạnh đạo đức và năng lực hành động trong tập truyện ngắn *Khói trời lộng lẫy* của Nguyễn Ngọc Tư.

Từ khóa - Nguyễn Ngọc Tư; Rosi Braidotti; *Khói trời lộng lẫy*; du mục; kí ức

Abstract - Nguyen Ngoc Tu's short story collection *Khói trời lộng lẫy* unfolds as a multilayered space of memory, where characters confront displacement, loss, and the painful experiences tied to their homeland. According to Rosi Braidotti, identity is not a fixed entity but an ever-shifting process shaped through experiences, memories, and complex entanglements with one's environment and community [1, p. 87]. Accordingly, this paper examines how the characters in *Khói trời lộng lẫy* both preserve their memories of home and adapt to foreign lands, while simultaneously reconstructing themselves and developing multilayered forms of identity that open up new possibilities for belonging and connection. From the perspective of nomadic theory, the paper not only reflects on individual losses but also affirms the capacity to transform negative experiences into ethical strength and agency in Nguyen Ngoc Tu's collection *Khói trời lộng lẫy*.

Key words - Nguyen Ngoc Tu; Rosi Braidotti; *Khói trời lộng lẫy*; nomadism; memory

1. Đặt vấn đề

Từ góc nhìn tâm lí học nhận thức, kí ức cung cấp chất liệu cho trí tưởng tượng thông qua quá trình mã hóa, lưu trữ và truy hồi, đồng thời trong sáng tác, nó luôn được tái sử dụng và tái cấu trúc qua lựa chọn ngôn ngữ của chủ thể. Vì thế, văn học vừa dựa vào kí ức như kho kinh nghiệm, vừa góp phần định hình lại kí ức, biến nó thành cả nguồn tư liệu lẫn động lực để xây dựng bản sắc sáng tạo và bản sắc của chính chủ thể tự sự. Trong nền văn học nhiều biến động như Việt Nam, kí ức trở thành lăng kính quan trọng để nhận diện nguồn cội, kiến tạo bản sắc và hình thành chủ thể trong bối cảnh văn hóa - xã hội luôn đổi thay. Tập truyện ngắn *Khói trời lộng lẫy* của Nguyễn Ngọc Tư là một trong những tác phẩm thành công khi khai thác góc nhìn kí ức. Trong tập truyện, kí ức không chỉ là hoài niệm cảm xúc mà còn là cấu trúc tự sự trung tâm, chi phối cách nhân vật tái thiết quá khứ, truy tìm nguồn cội và định vị bản sắc giữa biến động xã hội. Chính từ những lớp kí ức đứt gãy chồng chất, các nhân vật bộc lộ nhu cầu khẳng định vị trí của mình trong dòng chảy lịch sử - văn hóa Nam Bộ, tạo nên hành trình nhận diện bản sắc giàu chiều sâu và ám ảnh. Nghiên cứu về kí ức du mục trong tập truyện ngắn *Khói trời lộng lẫy* của Nguyễn Ngọc Tư đã góp phần làm rõ cơ chế hình thành chủ thể du mục trong mối quan hệ với quá khứ, nguồn cội văn hóa và những biến động của lịch sử - xã hội.

2. Giải quyết vấn đề

Trước khi phân tích kí ức du mục trong tập truyện ngắn *Khói trời lộng lẫy* của Nguyễn Ngọc Tư, nhóm tác giả muốn khái lược đôi nét về lí thuyết du mục. Trong hệ hình tư tưởng hậu hiện đại, lí thuyết du mục của Rosi Braidotti trở thành một trong những diễn ngôn có sức gợi mở mạnh mẽ nhằm tái định hình về chủ thể, nguồn cội, bản sắc và chuyển động của con người trong thế giới toàn cầu hóa. Lí thuyết du mục của Rosi Braidotti xem chủ thể không phải là một bản thể cố định, ổn định, mà là một thực thể luôn trong trạng thái vận động, dịch chuyển và trở thành. Du mục ở đây không đơn thuần chỉ sự di chuyển về mặt địa lí, mà là một trạng thái hiện sinh - nhận thức, trong đó bản sắc được hình thành trong quá trình va chạm, đứt gãy và tái cấu tạo liên tục giữa quá khứ và hiện tại. Nghiên cứu văn học từ góc nhìn lí thuyết du mục tập trung vào việc nhận diện những chủ thể phân mảnh, những kí ức không còn chức năng an trú tuyệt đối, cũng như không gian “ở giữa”, nơi con người vừa thuộc về vừa bị đẩy ra bên lề. Vận dụng vào *Khói trời lộng lẫy* của Nguyễn Ngọc Tư, có thể thấy các nhân vật hiện lên như những chủ thể du mục: họ không tìm được một điểm tựa bền vững, không thể trở về nguyên vẹn với quê hương, trong khi kí ức về miền đất cũ vừa níu giữ vừa gây tổn thương, buộc họ phải tiếp tục tồn tại trong trạng thái trôi dạt. Qua đó, tác phẩm khắc họa bản sắc con người đương đại như một

¹ Sai Gon University, Vietnam (Nguyen Pham Man Nguyen, Nguyen Hong Duc)

quá trình trở thành không ngừng, chấp nhận sự bất toàn và bấp bênh như điều kiện sống.

Chủ thể du mục theo Braidotti là chủ thể có khả năng nhận thức được tính chất đa tầng của chính mình, biết cách “tái lập bản đồ” vị trí của mình trong các thiết chế mà họ đã đi qua, đồng thời mở ra các vùng biên, nơi những cấu trúc cũ có thể bị thách thức và tái định nghĩa. Trong tư duy của Rosi Braidotti, du mục cũng là phương thức chống lại việc bản sắc bị đóng khung bởi những chuẩn mực xã hội áp đặt. Chủ thể liên tục thương lượng và tái tạo bản sắc thông qua việc di chuyển giữa các vị trí khác nhau. Một yếu tố quan trọng khác của lý thuyết du mục là khái niệm “bản sắc phân mảnh.” Chủ thể du mục không có một bản sắc thống nhất, mà được cấu thành từ những mảnh kí ức, trải nghiệm và quan hệ xã hội khác nhau, luôn thay đổi theo bối cảnh.

Xét trường hợp tác phẩm *Khói trời lộng lẫy* của Nguyễn Ngọc Tư, nhóm tác giả muốn phân tích hai kí ức của chủ thể du mục ở hai chiều kích không gian đối lập đó là: quê hương và xứ người.

2.1. Kí ức quê hương của chủ thể du mục

Những kí ức về quê hương vừa neo giữ gốc rễ văn hóa, vừa trở thành điểm tựa tinh thần để nhân vật nhận diện bản thân, đối thoại với quá khứ và định hướng cách tồn tại trong đời sống dịch chuyển. Trong tập truyện ngắn *Khói trời lộng lẫy*, kí ức quê hương hiện lên bằng những hình ảnh rất đời thường thuộc của miền sông nước như tiếng bản rì rào, bữa cơm nghèo... Nhờ có kí ức quê hương, nhân vật tìm thấy điểm tựa để nhận diện chính mình giữa đời sống nhiều bấp bênh. Những hồi ức bình dị ấy vẫn bền bỉ tác động đến cảm xúc, hành vi và lựa chọn cách sống cho thấy cách thức vận hành thầm lặng mà mạnh mẽ trong trải nghiệm của chủ thể du mục.

2.1.1. Chủ thể du mục và hành trình nhận diện nguồn cội

Kí ức không chỉ là nơi cất giữ những chuyện đã qua, mà còn là khả năng đọc hiểu và giải mã những dấu vết của quá khứ [1, tr. 3]. Kí ức luôn sống động, đi cùng cơ thể, tâm hồn và mối quan hệ với môi trường xã hội - văn hóa. Trong tập truyện ngắn *Khói trời lộng lẫy*, Nguyễn Ngọc Tư họa lên những nhân vật như những kẻ du mục, họ di chuyển không chỉ về mặt địa lý mà còn trong chiều sâu tâm lý, luôn lắng nghe và dò tìm những dấu vết gắn với nguồn cội. Hành trình này không đơn giản là hồi tưởng, mà là một quá trình khám phá, nhìn lại các mối quan hệ gia đình, cộng đồng, môi trường sống, đồng thời cảm nhận những đứt gãy, mất mát hay biến động lịch sử - xã hội in dấu trong đời sống.

Chủ thể hình thành từ nhận thức cá nhân, nhưng đồng thời chịu ảnh hưởng từ kí ức, kinh nghiệm sống, mối quan hệ gia đình, cộng đồng, giới tính và bối cảnh lịch sử, tạo nên một thực thể phức hợp, luôn biến đổi và thích nghi với các bối cảnh khác nhau [1, tr. 35]. Trong tập truyện ngắn *Khói trời lộng lẫy*, kí ức của các nhân vật không chỉ là hình ảnh mờ nhạt của quá khứ, mà hiện lên sống động và đa dạng, đặc biệt khi chạm tới tiềm thức. Hồi cổ không chỉ là “nhớ lại”, mà kí ức vận hành như một dòng chảy tự trị, dẫn dắt nhận thức, cảm xúc và hành vi. Như nhân vật Di trong truyện ngắn cùng tên, kí ức xuất hiện qua những “lát cắt,

cảnh phim đang dở về quê hương” [2, tr. 91], vừa phi tuyến tính, đứt đoạn, vừa giàu thị giác và cảm xúc.

Chủ thể du mục được hình dung như một “kí ức được thể hiện,” là tổng hợp phức hợp của cơ thể, cảm xúc và trải nghiệm [1, tr. 222]. Theo Rosi Braidotti, kí ức của chủ thể du mục không chỉ tồn tại trong trí nhớ hay nhận thức lí trí mà còn hiện hữu trực tiếp qua cử chỉ, hành vi, cảm xúc và giác quan. Điều này cho phép chủ thể du mục vừa di chuyển vừa biến đổi và tái cấu trúc bản thân trong các bối cảnh không gian, xã hội và cảm xúc khác nhau. Đồng thời nhấn mạnh, bản sắc và hành trình nhận diện nguồn cội không chỉ diễn ra trong tâm trí mà còn thông qua từng cử động và cảm giác trong cơ thể. Kí ức được khơi mở trào dâng, hé lộ những tầng sâu cảm xúc mà nhân vật Di trong *Khói trời lộng lẫy* không thể lường trước “*Kí ức vẫn tiếp tục mở ra những cánh cửa, mở ra những rung động, bất ngờ. Một vài căn phòng giống như biển, ngay lập tức khiến tôi chìm sâu, ngộp thở, nhưng tôi hoàn toàn không muốn vùng vẫy, chạy trốn*” [2, tr. 92]. Hình ảnh “căn phòng” như không gian nội tâm kết hợp với cảm giác “chìm sâu, ngộp thở” thể hiện kí ức vừa là nơi trú ẩn vừa là thử thách đối với nhân vật. Việc Di đắm mình trong trải nghiệm quá khứ mà không muốn thoát ra cho thấy kí ức đã trở thành một phần thiết yếu của chủ thể, lưu giữ chân dung tâm hồn, quê hương và các mối quan hệ xã hội.

Những kí ức về quê hương của chủ thể du mục khơi nguồn từ sự ám áp, thân mật và gần gũi của gia đình, nơi người mẹ và người bà không chỉ hiện diện vật lí mà còn trở thành những biểu tượng tinh thần gắn kết nhân vật với cội nguồn. Hình ảnh Di trong truyện ngắn *Khói trời lộng lẫy* “*rượt đuổi theo những vu vơ của mẹ suốt thời thơ ấu*” [2, tr. 97] không chỉ phản ánh những trải nghiệm đời thường mà còn biểu hiện cách kí ức thân mật này vận hành như chất liệu cơ bản trong hành trình nhận diện nguồn cội. Qua đó, hành trình nhận diện nguồn cội không chỉ là sự hoài niệm về quá khứ mà còn là quá trình chủ động tái kết nối với những giá trị tinh thần, khám phá bản thể và củng cố gốc rễ tinh thần trong trạng thái di chuyển liên tục của chủ thể du mục. Kí ức về gia đình và quê hương vừa là nơi trú ngụ tinh thần, vừa là công cụ định hướng nhận thức, cảm xúc và khả năng thích ứng với môi trường xã hội, đồng thời làm nổi bật tính đa tầng, phức hợp và cơ thể hóa của bản thể du mục trong hành trình nhận diện nguồn cội.

2.1.2. Lãnh thổ và cơ chế neo đậu của kí ức

Kí ức không tồn tại như một kho lưu trữ tĩnh mà luôn được tái cấu trúc qua các hành trình không gian và tâm lý, nơi những trải nghiệm rời rạc cộng hưởng và liên kết với nhau, tạo thành một nhận thức tổng thể về bản thân dù tổng thể này không hiện hữu trọn vẹn trong thực tại. Trong bối cảnh lãnh thổ và cơ chế neo đậu của kí ức, không gian quê hương trở thành điểm neo quan trọng, nơi chủ thể định vị bản thân và củng cố cảm thức về cội nguồn. Kí ức hiện lên sinh động qua những không gian gần bó mật thiết với đời sống, từ mái nhà cũ, con ngõ, bờ tre, cho đến những sân vườn, nơi lưu giữ dấu vết của quá khứ. Nhân vật Di hồi tưởng về ngôi nhà cũ với những chi tiết mộc mạc “*một tòa nhà cũ chìm lút trong một khuôn viên um tùm cây cỏ. Qua mấy bậc tam cấp gây nứt nẻ với khoảng hành lang hơi tối có vài căn phòng khép cửa. Cuối*

lối có mảnh sân rộng nằm giữa tòa nhà, nắng sáng rớt lung chung. Nhiều tấm pano được treo trên bốn bức tường vây quanh, giăng giăng những khẩu hiệu” [2, tr. 91]. Những chi tiết này không chỉ gợi hình ảnh vật lý mà còn lưu giữ dấu vết cảm xúc, lịch sử và mối quan hệ xã hội, hoạt động như cơ chế neo đậu tinh thần, giúp nhân vật tái kết nối với nơi chốn từng là quê hương, từ đó củng cố nhận thức về bản sắc và nguồn cội.

Cơ chế neo đậu của kí ức còn mở rộng sang không gian lao động, nơi chủ thể từng tích lũy kinh nghiệm và chuyên môn. Nhân vật Di hồi tưởng về *“nhà kho rộng với những tủ kệ cao chạm trần, chạy song song tạo thành những lối đi hun hút, trên kệ xếp hàng ngàn khay dữ liệu được ghi chú bằng các ký hiệu lạ lùng, cùng những thiết bị nghe nhìn đặt rải rác ở các góc phòng”* [2, tr. 95]. Không gian này hiện lên vừa có trật tự, vừa đầy bí ẩn, phản ánh sự phức tạp, kỉ luật và chuyên môn hóa trong đời sống lao động, đồng thời nhắc nhở nhân vật về nhíp sống, trách nhiệm và thái độ sống gắn với bản thân. Bên cạnh đó, những cảnh vật quen thuộc của miền sông nước Nam Bộ trở thành chất liệu neo đậu tinh thần, khơi dậy kí ức quê hương trong tâm thức chủ thể du mục. Di hồi tưởng đến *“dòng kinh trước nhà ngoại”*, đến *“chìm sè”*, hay *“bờ sông Ngó Ý”* [2, tr. 101] mỗi chi tiết vừa cụ thể vừa giàu tính hồi cổ, mang dấu ấn thời gian và không gian, tạo nên một mạng lưới lãnh thổ tinh thần neo giữ kí ức trong đời sống tâm lí.

Cùng với không gian vật lí, kí ức còn được neo đậu qua văn hóa ẩm thực và những trải nghiệm đời sống đặc trưng, nơi mỗi món ăn, thức quả mội mạc không chỉ trở thành biểu tượng tinh thần nổi hiện tại tha hương với cội nguồn quê cũ mà còn gợi nhắc trách nhiệm của chủ thể đối với cộng đồng và môi trường sinh thái. Nhân vật Bế trong *Có con thuyền đã buông bờ...* hồi tưởng về *“thèm lẩu mắm ăn với rau đồng, kèo nèo bông súng, bánh xèo mà có đọt xoài, đọt lựu thì thích”*, *“nhớ món lươn um lá nhào muốn chết được đây, cháo cá lóc nữa...”* [2, tr. 29]. Việc mô tả tỉ mỉ từng món ăn và nguyên liệu không chỉ gợi lại hương vị vật chất mà còn tái hiện nhịp sống, tập quán và không gian sinh hoạt của miền sông nước, nơi mỗi trải nghiệm đều mang dấu vết lịch sử, văn hóa và các mối quan hệ cộng đồng, đồng thời định hình nhận thức về vai trò và trách nhiệm của chủ thể trong bối cảnh xã hội và môi trường mà họ tham gia. Những hình ảnh về không gian vật lí, thiên nhiên và ẩm thực, kết hợp với các lời độc thoại giàu sức gợi như *“Nhớ vườn rau dưới quê quá”* [2, tr. 29], tạo thành sợi dây vô hình neo giữ chủ thể du mục vào lãnh thổ tinh thần, đồng thời củng cố nhận thức về trách nhiệm đạo đức và chính trị trong việc duy trì mối liên kết với cội nguồn và cộng đồng. Chúng hình thành một bản đồ cảm xúc, nơi nhân vật vừa hồi tưởng, vừa thương nhớ, tái nhận diện bản ngã và bản sắc, đồng thời nhấn mạnh rằng trách nhiệm của chủ thể không tách rời khỏi nơi chốn, văn hóa và kí ức, mà được kiến tạo thông qua mối quan hệ mật thiết với lãnh thổ và cộng đồng sống quanh mình.

2.2. Kí ức ở xứ người của chủ thể du mục

Nếu như kí ức quê hương trong *Khói trời lồng lầy* chủ yếu xuất hiện như một địa tầng tinh thần được neo lại trong không gian sông nước đất Mũi thì kí ức nơi xứ người lại mở

ra một bình diện hoàn toàn trái ngược: sự lưu lạc, đứt gãy, lừng lợ, không thuộc về đâu nhưng cũng chưa bao giờ đứt gãy hoàn toàn nguồn cội. Các chủ thể di cư, hay còn gọi là chủ thể tha hương đại diện cho các địa vị bị phân tán và đa trung tâm [1, tr. 25-26]. Kí ức ở xứ người vì thế trở thành nơi mà chủ thể du mục vận hành chiến lược “định vị lại mình,” tái thiết bản sắc trong một thế giới luôn chuyển động.

2.2.1. Sự tái định vị địa-chính trị và kinh nghiệm dịch chuyển

“Xứ người” trong tư duy du mục của Rosi Braidotti không chỉ được hiểu như một không gian địa lí cụ thể, mà trước hết là một hiện tượng bản thể học của sự lệch vị trí. Nó gắn với trạng thái phi lãnh thổ hóa [1, tr. 30] của những chủ thể buộc phải rời khỏi không gian văn hóa nguyên quán, nơi định hình căn cước, kí ức và hệ thống cấu trúc cảm xúc của họ. Trong tập truyện ngắn *Khói trời lồng lầy*, Nguyễn Ngọc Tư kiến tạo “xứ người” như một miền tồn tại bất định, nơi con người không còn được nâng đỡ bởi các khung quy chiếu quen thuộc.

Khi bước vào thế giới của tập truyện ngắn *Khói trời lồng lầy*, “xứ người” hiện lên không chỉ như một nơi chốn để đi đến, mà còn như một trạng thái bản thể. Nơi đây con người buộc phải tách mình khỏi những hệ thống ý nghĩa từng nâng đỡ họ trong cuộc sống. Ở đó, sự mất bám rễ không chỉ diễn ra trên mặt đất, mà còn diễn ra trong cấu trúc tinh thần, đúng với nhận định của Rosi Braidotti rằng chủ thể du mục luôn sống trong tình trạng phi lãnh thổ hóa, khi sự dịch chuyển kéo theo những đổ vỡ trong việc định vị bản thân. Câu chuyện bắt đầu khi Sáo, một phụ nữ miền Tây cùng chồng lênh đênh trên sông nước phải đối diện với sự thật: chồng mình đã bị chìm chết trên bè rau Đại Thanh trong một đêm trăng chỉ vì vài lá ngò gai (*Nước như nước mắt*). Trên chiếc ghe cũ, nhìn xác chồng tong teo héo rộp và nước mặn mon men tràn bờ, Sáo biết đời mình phải sang trang mới, một trang chỉ còn có cô với kẻ đã giết chết chồng mình, đau đớn hơn nữa khi đây cũng là người khi xưa cô từng thề non hẹn biển. Vậy đây, bằng cách này hoặc cách khác, con người luôn bị đẩy vào thế đường cùng. Cái chết, vốn dĩ là trạm dừng cuối cùng của đời người, cũng không cho họ cơ hội trở về với cội nguồn của đất. Điều kiện tự nhiên trở thành thế lực đẩy họ vào “xứ người,” và chính nơi đó, hệ trục tọa độ văn hoá quen thuộc của họ bị phá vỡ hoàn toàn.

Nhân vật Di trong *Khói trời lồng lầy* là một kiểu phận người trôi dạt, không thể tự chọn được nơi đi chốn ở của chính bản thân mình. Nguyễn Ngọc Tư miêu tả Di bằng những chi tiết rất đời: nụ cười *“mặc để che những bề bộn trong lòng,”* rồi những buổi chiều mưa lất phất làm dậy lên chuyện cũ. Đằng sau cái vẻ lặng lẽ đó là một người đàn bà lúc nào cũng bị kí ức níu chân. Kí ức về đứa con gái *“chín tuổi đội khăn tang tiễn đưa má trong một đám ma thưa người”* [2, tr. 97], kí ức về một mối tình đã chìm vào dờ dang hơn mười mấy năm, kí ức về những ngày ở còn Bàn mà Di cứ nghĩ đã quên nhưng hóa ra chỉ cần một buổi mưa xiêu vẹo là nó lại chực chờ tràn về. Nhiều lúc chị tự thấy bản thân dôi ra, sai nhịp, vừa ngốc nghếch vừa tội nghiệp. Rồi đến khi dạt về mảnh đất Côn xa xam vắng về này, vốn nghĩ là chỗ bầu vùi cuối cùng, Di lại nhận ra trong lòng mình chỉ càng rộng thêm một khoảng trống.

Xứ người, xét về khoảng cách địa lí, chỉ cách quê nhà một quãng sông thôi nhưng vẫn như một đường biên dài hun hút, khiến Di cứ mang cảm giác không thuộc về đâu hết. Thể gian mệnh mang là thể, ấy vậy mà Di lại chẳng tìm nổi cho mình một niềm tin dù là nhỏ nhất. Chị đã đau đớn mà thốt lên rằng: *“Tôi đã trôi đi không tắm tích giữa cuộc đời này, thỉnh thoảng có ai đó níu lấy rồi buông bỏ”* [2, tr. 129]. Nhưng Di đã không gục xuống. Chị chọn một cách rất lặng lẽ, giữ cho tâm hồn mình một sắc đỏ ấm như khói trời. Chính cái lựa chọn ấy làm nên vẻ đẹp mong manh mà kiên bền của chủ thể, đậm chất Nguyễn Ngọc Tư: những phận người bé mọn, luôn trôi dạt theo con nước nhưng vẫn gắng rọi sáng phần người bên trong họ. Từ góc nhìn của Rosi Braidotti, hành trình của Di là biểu hiện của “chân thương du mục”. Thứ chân thương sinh ra khi con người bị kéo dãn giữa nơi đã từng là quê nhà và một chốn mới chưa thể gọi là chỗ ở. Rosi Braidotti cho rằng bản sắc là thứ luôn chuyển động, luôn tạo hình lại từ những va đập của kí ức, trải nghiệm và ràng buộc bởi các mối quan hệ. Nhân vật Di chính là một thân phận du mục như thế: bị đẩy đi, bị tổn thương, nhưng vẫn kiên trì giữ bản thân mình bằng những sợi chỉ kí ức và niềm tin nhỏ nhoi còn sót lại.

Sự dịch chuyển không tạo ra một nền tảng căn cước mới, mà càng khắc sâu thêm khoảng trống của nơi chốn đã mất. Quá trình xác lập căn tính tiếp tục bằng việc giành lấy quyền tự quyết, trở thành một cá nhân tự do không còn bị chi phối bởi người khác [3, tr. 126]. Nhân vật rời đi để thoát khỏi đau thương, nhưng xứ người không lấp được những nứt gãy ấy, mà chỉ làm chúng lan rộng theo một hình thức khác. Đó chính là cái “định mệnh du mục” mà Rosi Braidotti đề xuất: sự vận động không ngừng của chủ thể không dẫn đến sự tìm thấy, mà dẫn đến nhận thức sâu sắc về sự không thuộc về như một bản chất của tồn tại.

Trong trạng thái đó, kí ức trở thành hành trang bắt đầu đi. Chủ thể du mục luôn sống trong sự căng kéo giữa xưa và nay, giữa điều đã mất và điều chưa thể có. Nguyễn Ngọc Tư khắc họa nhiều nhân vật mang theo kí ức như một thứ “bản đồ nội tâm” để tự định vị giữa chốn người. Trong *Thềm nắng sau lưng*, người đi không tìm được đường trở lại quê cũ, nhưng đồng thời cũng không thể neo vào bất kì bến bờ nào nơi đất lạ quê người. Con thuyền buông bờ ấy chính là ẩn dụ về thân phận lơ lửng – một kiểu tồn tại mà Rosi Braidotti gọi là “ở giữa” (*in-between*), luôn ở rìa của mọi không gian quyền lực, không thực sự được công nhận ở bất kì đâu. Ở đây, xứ người không chỉ là sự cách trở địa lí mà là sự đứt gãy sâu trong bản thể: nhân vật không tìm thấy quê hương, ngay cả khi họ đang ở trên mảnh đất quê hương của chính mình.

Trong tập truyện ngắn *Khói trời lơ lửng*, “xứ người” hiện lên như một vùng đất chênh vênh, bất định, nơi con người vừa trú nhờ vừa lạc lõng. Đó là không gian chật chội bất an và đứt gãy, buộc mỗi nhân vật phải tự thương lượng lại mình để tiếp tục sống. Nhưng giữa những xô lệch ấy, họ vẫn âm thầm chấp nối kí ức quê nhà, tạo ra những hình thức thuộc về mong manh nhưng bền bỉ. Nhìn từ lí thuyết du mục của Rosi Braidotti, đây chính là quá trình tái cấu trúc bản sắc trong dịch chuyển: quê nhà luôn ở phía sau mà chưa bao giờ rời khỏi bên trong, còn xứ

người ở trước mặt nhưng không thuộc về trọn vẹn. Nhờ vậy, Nguyễn Ngọc Tư viết nên không chỉ chuyện tha hương, mà còn hành trình con người tìm cách tồn tại và biến đổi trong bối cảnh nhiều bất trắc.

2.2.2. Kiến tạo chủ nghĩa đa vị trí và tính liên kết phức hợp

Kinh nghiệm sống ở xứ người trong tập truyện ngắn *Khói trời lơ lửng* không chỉ là sự di chuyển về mặt địa lí mà còn là hành trình định hình lại bản thân và cách con người nhận thức về mối quan hệ với thế giới xung quanh. Theo lí thuyết du mục của Rosi Braidotti, bản sắc không còn là một thực thể cố định, thống nhất mà trở thành một thực thể đa tầng, liên tục thay đổi và thích ứng, luôn tương tác với môi trường, cộng đồng và những sinh thể khác [1, tr. 288]. Khi nhân vật rời quê hương, họ không chỉ mất đi nơi chốn quen thuộc mà còn bị thử thách bởi những trải nghiệm cô độc, khó khăn và những kí ức đau thương vẫn rập rình theo sát. Những trải nghiệm ấy giúp nhân vật nhận ra rằng bản sắc và sự thuộc về không chỉ được xác định bởi nơi chốn hay cộng đồng mà còn bởi khả năng kết nối và thích nghi với môi trường xung quanh.

Công việc của Di gắn liền với thiên nhiên và cây cỏ, chị yêu cánh rừng đại ngàn cùng những thảo nguyên bát ngát mang vẻ đẹp nguyên sinh, đối với Di thì thiên nhiên luôn là một kiệt tác dù đó chỉ là dấu mưa hay bông hoa bìm bịp ven đường. *“Giờ tôi đang thức mắc cái đẹp nào đang và sắp mất. Để tìm câu trả lời, tôi bắt đầu rời khỏi thành phố, bắt đầu những chuyến đi xa. Vì thành phố đã xua đuổi thiên nhiên đi xa”* [2, tr. 98]. Và thế là, Di xách balo lên và rời khỏi thành phố để đi tìm câu trả lời đích thực cho trần trụi của chính mình rằng, vẻ đẹp nào đã mất hoặc sẽ mất đi trong suốt những năm tháng mà bản thân đã tồn tại. Cô ngần ngại trước câu hỏi, liệu dòng nước sẽ mang bụi đường đi về đâu, Di yên lặng để lắng nghe âm thanh của tiếng bìm bịp kêu. Ở đoạn cuối của tác phẩm, sau chi tiết Di kể cho Phiên nghe về thân phận thật của nó, về lí do tại sao hai chị em lại đến nơi này thì thắng bé đã biến mất trong sự mơ hồ, không được miêu tả tâm trạng buồn vui hay ngỡ ngàng, chỉ còn Di đứng trong màu khói bếp lam chiều, ngần ngại hỏi làm sao níu giữ được vẻ đẹp lơ lửng của khói. Khi hai bàn tay Di đan vào nhau, chỉ thấy khói luồn qua những kẽ tay và tan biến vào hư vô, tác phẩm khép lại để người đọc cảm nhận được rằng, Di đã thất bại trong hành trình bảo tồn cái đẹp, cuối cùng chỉ còn lại bản thân cô độc giữa xóm Bàn bốn bề lạnh lẽo. *“Tôi đứng trong khói và tự hỏi, làm sao giữ được vẻ đẹp lơ lửng này của khói, ... Khói này, là món quà cuối cùng tôi tặng em tôi. Nhưng khi nắm chúng lại, tôi chỉ nghe những ngón tay mình xô vào lòng tay của chính mình”* [2, tr. 141]. Chi tiết này được xem như một chi tiết đắt giá trong tác phẩm, đó không chỉ lời giải đáp cho cuộc hành trình gìn giữ những vẻ đẹp mà còn khiến cho chúng ta tự đặt ra câu hỏi về tương lai, về số phận đầy nghiệt ngã của Di.

Ở nơi hoang vu, hẻo lánh ấy, con người lui tới như để chờ đợi một sự lãng quên của thế gian, ở đó có xóm Cồn, nơi Di được chứng kiến những kiếp người trôi nổi cứ thế sống vật vờ qua ngày, tựa như chuỗi ngày bơ vơ, vô định của chim. Đó là ông Sáu Cầu với ham muốn giết người to lớn bởi quá khứ đầy đau thương cùng người vợ chẳng chịu buông tha cho ông. Đó có thể là anh Thơ khủng tối ngày

quần quanh với chiếc radio cũ mềm nửa tỉnh nửa mê. Hay đó là Phiên với những khiếm khuyết về xúc cảm khi không được sống trong một môi trường bình thường vốn dĩ nó thuộc về. Họ đều là những kiếp người sống lẻ loi, héo hon trên mảnh đất cằn cỗi mà “*Có cho tui nhiều tiền cũng không lên cái cồn Bần này ở, buồn thấy mẹ...*” [2, tr. 90]. Nơi đây chẳng qua chỉ là chốn nương náu tạm thời, vì vậy nên những căn chòi, cửa sổ, gác mái cũng tạm bợ, cũ nát, những người bạn đến rồi lại đi cũng trở thành những mối quan hệ dở dang. “*Rằng tôi tới đây chờ đợi một sự lãng quên, giống ông Sáu Câu từng chịu án giết người, giống chị Thẩm lần tránh những đòn ghen của bà vợ lớn, giống chị Thiện bỏ lại ở quê chồng con và món nợ hụi hè*” [2, tr. 94].

Phân mảnh nhân vật là một kỹ thuật đặc trưng của văn học hậu hiện đại, khi mà văn xuôi thời kỳ này đã hướng đến những “tiểu tự sự,” đề cập đến những vấn đề có tính chất “ngoại biên” với xã hội. Có thể hiểu, nhân vật được xây dựng theo hướng mảnh vỡ là nhân vật mà cuộc đời của họ thường bị chia cắt thành những mảnh vụn rời rạc, đứt đoạn theo dòng hồi ức, kỉ niệm, sự kiện xảy ra trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai. Nhân vật không còn bị đóng khung bởi các quy tắc về tính cách và số phận. Nguyễn Ngọc Tư không cô đặt nhân vật của mình vào một môi trường sống cụ thể. Họ có thể lẫn vào đám đông, không còn lai lịch, thân thế, thậm chí không có cả nhân dạng. Nhân vật với những nét mờ nhạt, mất danh tính đã gợi ra ý niệm con người phi trung tâm, nhỏ bé, vô nghĩa, có thể trở thành những kí tự sai lạc tín hiệu, mất các nét bản sắc khu biệt cá thể. Chính điều này làm cho người đọc khó đoán định được những diễn biến nội tâm, tính cách và số phận nhân vật trong tác phẩm, và Di là một ví dụ điển hình.

Đôi theo nhân vật trong tập truyện ngắn *Khói trời lộng lẫy*, người đọc còn nhận thấy sự xuất hiện của những con người đa ngã (đa diện) luôn sống bằng những mảnh vỡ của cái ngã khác để hòa hợp với cuộc sống. Các nhà văn hậu hiện đại tin bản chất của thế giới là hỗn mang, “mọi sự đều là theo cách của nó” [4, tr. 96-97]. Mỗi người thấy một thế giới khác nhau, bị chi phối bởi nhiều hệ quy chiếu khác nhau, mỗi hệ quy chiếu là một thế giới, phát hiện mỗi bản thể khác nhau trong con người [5, tr. 483]. Nhìn chung, nhân vật trong tập truyện là những tồn tại riêng lẻ, rời rạc, mọi mối quan hệ đều tạm bợ và đứt gãy liên tục, ngay cả sự hiện hữu cũng là đa ngã, không tìm được cái “bản sắc riêng” của mình.

Kinh nghiệm của chủ thể du mục ở xứ người được định vị một cách cụ thể, là sự ghi dấu của các vị trí địa-chính trị

và lịch sử đặc thù. Đây là không gian mà sự dịch chuyển thường đi kèm với nỗi đau, sự nhục nhã và tổn thương, khiến chủ thể phải đối diện với những thách thức tồn tại thực sự. Đạo đức du mục cốt lõi là sức mạnh của sự khẳng định, nghĩa là khả năng chuyển hóa cái tiêu cực thành năng lực sản sinh, giúp chủ thể trở nên xứng đáng với những gì xảy ra trong đời sống của mình. Quá trình này được thực hiện thông qua sức bền bỉ và lòng trung thành với sự kéo dài của bản thân, như một tập hợp liên kết mở rộng. Nhờ đó, kí ức ở xứ người không chỉ lưu giữ những trải nghiệm cá nhân mà còn được sử dụng để tạo ra nhiều hình thái thuộc về đa dạng và các mối liên kết phức hợp, kiến tạo những chân trời hi vọng xã hội bền vững. Sự dịch chuyển vì thế trở thành một hành trình ngoằn ngoèo của sự biến đổi không tuyến tính, nơi bản sắc du mục liên tục được tái định hình, thích nghi và phát triển theo những hướng mới mẻ, linh hoạt và đầy tiềm năng.

3. Kết thúc vấn đề

Khai thác kí ức du mục trong *Khói trời lộng lẫy* của Nguyễn Ngọc Tư giúp làm rõ cơ chế hình thành chủ thể gắn với nguồn cội và bản sắc trong thế giới nghệ thuật của nhà văn. Kí ức ở cả phương diện cá nhân lẫn cộng đồng, không chỉ lưu giữ trải nghiệm mà còn vận hành như một cấu trúc tri nhận, định hình cách nhân vật truy vấn nguồn cội, đối diện với các đứt gãy lịch sử – văn hóa và tự định vị bản thân trong bối cảnh Nam Bộ hiện đại. Những xung đột nhị nguyên tạo nên một “trường lực kí ức” đặc thù, trong đó kí ức vừa là nền tảng nhận thức giúp nhân vật xác lập bản sắc, vừa là thực thể tự sự tham gia cấu trúc hóa hành trình tìm kiếm bản sắc.

Lời cảm ơn: Bài báo nằm trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, mã số SVB2025-032 tại Trường Đại học Sài Gòn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] R. Braidotti, *Nomadic Theory*. Columbia University Press, 2011.
- [2] N. N. Tư, *Smoke in the sky*, Thoi dai Publishing House, 2010.
- [3] N. N. Chinh, N. N. Tuyen, and N. T. Y. Nhi, “A comparative study of gender perspectives in <The Vegetarian> by Han Kang and <River> by Nguyen Ngoc Tu”, *The University of Danang - Journal of Science and Technology*, vol. 24, no. 2, pp. 122–127, 2026. [https://doi.org/10.31130/ud-jst.2026.24\(2\).603](https://doi.org/10.31130/ud-jst.2026.24(2).603).
- [4] T. H. Tinh and B. T. Thao, “The Fragmentation in Nguyen Ngoc Tu’s Novels”, *Dong Thap University Journal of Science*, vol. 14, no. 1, pp. 92 – 100, 2025.
- [5] N. Thanh, H. T. Ha, and N. H. Dung, *Postmodern Literature – Interpretation and Reception*. Van hoc Publishing House, 2013.